

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH VẬT TƯ
THIẾT BỊ - VVMI

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH VẬT TƯ THIẾT BỊ - VVMI
Địa chỉ: Tổ 26, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội

MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 4
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
3. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
- Bảng cân đối kế toán	7 - 8
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
- Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách	10
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11
- Thuyết minh báo cáo tài chính	12 - 38



TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH VẬT TƯ THIẾT BỊ - VVMI

Địa chỉ: Tổ 26, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sản xuất và kinh doanh vật tư thiết bị - VVMI (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Sản xuất và kinh doanh vật tư thiết bị - VVMI (viết tắt là Công ty) được thành lập tại Việt Nam theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần có mã số doanh nghiệp số 0101854047 ngày 05 tháng 10 năm 2004 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về vốn điều lệ, ngành nghề kinh doanh, địa chỉ trụ sở chính cũng như thay đổi về người đại diện theo pháp luật lần lượt được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội chuẩn y tại các giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần có mã số doanh nghiệp 0101854047 lần 1,2 và lần 3 ngày 19 tháng 09 năm 2012.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp 0101854047 lần 3 ngày 19 tháng 09 năm 2012, vốn điều lệ của Công ty là 6.000.000.000 VND được chia thành 600.000 cổ phần, danh sách cổ đông sáng lập như sau:

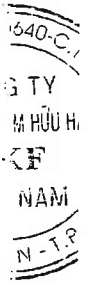
TT	Tên cổ đông	Số vốn góp (VND)	Tỷ lệ
1	Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP	3.060.000.000	51,00%
2	Ông Trần Quốc Huy	49.000.000	0,81%
3	Ông Lê Văn Quý	55.600.000	0,93%
4	165 cổ đông còn lại	2.835.400.000	47,26%
	Cộng	6.000.000.000	100%

2. Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

Hội đồng quản trị

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
- Ông Phạm Đức Thiện	Chủ tịch HĐQT
- Ông Phạm Quang Khải	Ủy viên
- Ông Lưu Văn Hưng	Ủy viên
- Ông Ngô Minh Vinh	Ủy viên
- Ông Phạm Đức Khiêm	Ủy viên



TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH VẬT TƯ THIẾT BỊ - VVMI

Địa chỉ: Tổ 26, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Ban kiểm soát

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
- Bà Nguyễn Hồng Hạnh	Trưởng ban kiểm soát
- Bà Lê Thị Hồng Cẩm	Thành viên
- Ông Tô Toàn Thắng	Thành viên

Ban Giám đốc

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
- Ông Phạm Quang Khải	Giám đốc
- Ông Phạm Đức Khiêm	Phó Giám đốc
- Ông Ngô Minh Vinh	Phó Giám đốc

3. Trụ sở

Công ty có trụ sở tại: Tổ 26, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán đính kèm.

5. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

6. Công ty kiểm toán

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội nay là Công ty TNHH PKF Việt Nam được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty.

7. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Hội đồng quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH VẬT TƯ THIẾT BỊ - VVMI
Địa chỉ: Tô 26, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng, đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty được lập phù hợp các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty xác nhận rằng Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

8. Ý kiến của Ban Giám đốc

Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2016

THAY MẶT BAN GIÁM ĐỐC
GIÁM ĐỐC



Phạm Quang Khải

34406
CÔNG
H NHIÊN
PK
VIỆT
XUẤT

Số: 04/2016/BCKT/PKF-VPC

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2016

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015
của Công ty Cổ phần Sản xuất và kinh doanh vật tư thiết bị - VVMI.

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Sản xuất và kinh doanh vật tư thiết bị - VVMI.**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty cổ phần sản xuất và kinh doanh vật tư thiết bị - VVMI, được lập ngày 20 tháng 2 năm 2015 bao gồm: Bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 7 đến trang 38 kèm theo.

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

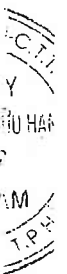
Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sản xuất và kinh doanh vật tư thiết bị - VVMI chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Sản xuất và kinh doanh vật tư thiết bị - VVMI có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và



Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Sản xuất và kinh doanh vật tư thiết bị - VVMI, và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam



Nguyễn Hồng Quang

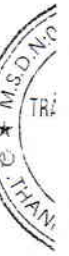
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0576-2015-242-1

Vũ Hồng Thu

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1963-2015-242-1



TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH VẬT TƯ THIẾT BỊ - VVMI
 Địa chỉ: Tổ 26 thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		82.063.232.897	76.516.348.594
Tiền và các khoản tương đương tiền	110		1.331.015.276	4.238.427.250
Tiền	111	5.1	1.331.015.276	4.238.427.250
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		61.030.683.755	50.344.574.390
Phải thu ngắn hạn khách hàng	131	5.2	62.013.068.530	50.173.187.738
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		200.000.000	865.460.500
Các khoản phải thu khác	136	5.3	698.955.204	1.187.266.131
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(1.881.339.979)	(1.881.339.979)
Hàng tồn kho	140	5.4	19.583.077.293	20.949.736.381
Hàng tồn kho	141		19.583.077.293	20.949.736.381
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		118.456.573	983.610.573
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	64.598.484	983.610.573
Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
Thuế và các khoản phải thu Nhà Nước	153	5.10	53.858.089	-
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		8.328.116.265	12.882.655.431
Các khoản phải thu dài hạn	210		7.362.500	24.740.100
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Phải thu dài hạn khác	216	5.3	7.362.500	24.740.100
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
Tài sản cố định	220		8.129.581.919	12.523.794.213
TSCĐ hữu hình	221	5.6	8.129.581.919	12.523.794.213
- Nguyên giá	222		46.105.779.601	44.819.917.783
- Giá trị khấu hao lũy kế	223		(37.976.197.682)	(32.296.123.570)
Tài sản dài hạn khác	260		191.171.846	334.121.118
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	191.171.846	334.121.118
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		90.391.349.162	89.399.004.025

3440
 ÔNG
 NHIEU
 PK
 ET
 UAI

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH VẬT TƯ THIẾT BỊ - VVMI
 Địa chỉ: Tổ 26 thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
NỢ PHẢI TRẢ	300		76.026.098.369	76.754.575.566
Nợ ngắn hạn	310		75.861.695.638	76.742.900.106
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.9	33.276.870.057	49.589.580.531
Người mua trả tiền trước	312		-	408.321.000
Thuế và khoản phải nộp Nhà nước	313	5.10	946.886.472	790.056.780
Phải trả người lao động	314		7.345.204.857	6.626.335.388
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.11	44.039.883	12.398.311
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	47.381.063
Phải trả phải nộp ngắn hạn khác	319	5.12	8.368.896.190	3.666.716.767
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.8	23.698.384.507	14.031.189.485
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.181.413.672	1.570.920.781
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
Nợ dài hạn	330		164.402.731	11.675.460
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		162.272.731	9.545.460
Phải trả dài hạn khác	337	5.12	2.130.000	2.130.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		14.365.250.793	12.644.428.459
Vốn chủ sở hữu	410	5.13	14.365.250.793	12.644.428.459
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		6.000.000.000	6.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		6.000.000.000	6.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		4.745.136.457	3.459.274.639
Quỹ đầu tư phát triển	418		3.620.114.336	3.185.153.820
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		-	-
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		90.391.349.162	89.399.004.025

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2016

NGƯỜI LẬP BIỂU



Nguyễn Thị Hồng Nhung

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Phạm Đình Tuấn



Phạm Quang Khải

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH VẬT TƯ THIẾT BỊ - VVMI
 Địa chỉ: Tô 26 thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2015 và kết thúc vào 31/12/2015

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	409.112.683.734	431.555.329.772
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần từ bán hàng hoá và cung cấp DV	10		409.112.683.734	431.555.329.772
Giá vốn hàng bán và dịch vụ	11	6.2	371.987.998.698	398.767.178.802
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		37.124.685.036	32.788.150.970
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	41.183.290	42.350.554
Chi phí tài chính	22	6.4	1.921.395.840	2.503.904.731
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.834.421.726	2.447.136.884
Chi phí bán hàng	24	6.7	14.786.427.519	16.525.593.823
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.7	15.585.867.196	10.384.167.234
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4.872.177.771	3.416.835.736
Thu nhập khác	31	6.5	818.181	804.248.877
Chi phí khác	32	6.6	5.227.724	176.366.375
Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(4.409.543)	627.882.502
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		4.867.768.228	4.044.718.238
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	1.099.731.004	886.825.555
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		3.768.037.224	3.157.892.683
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.9	4.368	5.263
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71			

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2016

NGƯỜI LẬP BIỂU

KÊ TOÁN TRƯỞNG




Nguyễn Thị Hồng Nhung

Phạm Đình Tuấn

GIÁM ĐỐC



Phạm Quang Khải

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH VẬT TƯ THIẾT BỊ - VVMI
 Địa chỉ: Tổ 26 thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2015 và kết thúc vào 31/12/2015

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Số còn phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số còn phải nộp cuối năm
B	C	1	2	3	4=(1+2-3)
Thuế	10	790.056.780	8.094.095.867	7.991.124.264	893.028.383
Thuế GTGT hàng bán nội địa	11	640.200.306	4.734.338.154	4.747.496.205	627.042.255
Thuế GTGT hàng NK	12	-	1.141.350.096	1.141.350.096	-
Thuế Tiêu thụ đặc biệt	13	-	-	-	-
Thuế Xuất, nhập khẩu	14	-	123.626.725	123.626.725	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	15	149.556.477	1.101.598.049	931.940.309	319.214.217
Thuế Tài nguyên	16	-	-	-	-
<i>Thuế Tài nguyên than</i>		-	-	-	-
<i>Thuế Tài nguyên nước</i>		-	-	-	-
Thuế Nhà đất	17	-	26.485.911	26.485.911	-
Tiền thuê đất	18	-	938.740.173	967.417.244	(28.677.071)
Thuế bảo vệ môi trường		-	-	-	-
Các khoản thuế khác	19	299.997	27.956.759	52.807.774	(24.551.018)
<i>Thuế môn bài</i>		-	3.000.000	3.000.000	-
<i>Thuế thu nhập cá nhân</i>		299.997	24.956.759	49.807.774	(24.551.018)
Số thuế còn phải nộp		299.997	24.956.759	24.626.756	630.000
Số thuế đã nộp thừa		-	-	25.181.018	(25.181.018)
<i>Các loại thuế khác</i>		-	-	-	-
Các khoản phải nộp khác	30	-	3.360.679	3.360.679	-
Các khoản phụ thu	31	-	-	-	-
Các khoản phí, lệ phí	32	-	-	-	-
Các khoản khác	33	-	-	-	-
Các khoản nộp phạt		-	3.360.679	3.360.679	-
TỔNG CỘNG (40=10+30)	40	790.056.780	8.097.456.546	7.994.484.943	893.028.383

M.S.D.N. 01.11.14.15.16.17.18.19.20.21.22.23.24.25.26.27.28.29.30.31.32.33.34.35.36.37.38.39.40.41.42.43.44.45.46.47.48.49.50.51.52.53.54.55.56.57.58.59.60.61.62.63.64.65.66.67.68.69.70.71.72.73.74.75.76.77.78.79.80.81.82.83.84.85.86.87.88.89.90.91.92.93.94.95.96.97.98.99.100

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2016

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG




GIAM ĐỐC
 CÔNG TY
 CỔ PHẦN
 SẢN XUẤT VÀ
 KINH DOANH
 VẬT TƯ THIẾT BỊ
VVMI
 H.ĐÔNG ANH - TP. HÀ NỘI



Nguyễn Thị Hồng Nhung

Phạm Đình Tuấn

Phạm Quang Khải

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH VẬT TƯ THIẾT BỊ - VVMI
 Địa chỉ: Tổ 26 thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)
 Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2015 và kết thúc vào 31/12/2015

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2015	Năm 2014
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	4.867.768.228	4.044.718.238
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	5.680.074.112	5.486.370.534
Các khoản dự phòng	03	-	(52.367.692)
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	58.469.419	-
Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(18.662.013)	(42.350.554)
Chi phí lãi vay	06	1.834.421.726	2.447.136.884
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	12.422.071.472	11.883.507.410
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(10.722.589.854)	7.169.914.158
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	1.366.659.088	122.104.171
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (Không bao gồm lãi vay phải trả và thuế TNDN phải nộp)	11	(11.471.407.153)	(2.185.022.439)
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	1.061.961.361	(1.317.731.691)
Tiền lãi vay đã trả	13	(1.822.085.516)	(2.479.991.535)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(931.940.309)	(1.161.560.299)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	794.515.033	3.144.714.344
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(1.698.453.131)	(4.857.613.650)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(11.001.269.009)	10.318.320.469
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và TS dài hạn khác	21	(692.000.000)	(239.000.000)
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	18.662.013	42.350.554
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(673.337.987)	(196.649.446)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33	225.981.416.237	175.245.051.629
Tiền trả nợ gốc vay	34	(216.314.221.215)	(183.322.042.064)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(900.000.000)	(441.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	8.767.195.022	(8.517.990.435)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM			
Tiền và tương đương tiền đầu năm	50	(2.907.411.974)	1.603.680.588
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	60	4.238.427.250	2.634.746.662
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	1.331.015.276	4.238.427.250

134
 CÔNG
 H NH
 P
 VIỆ
 YU

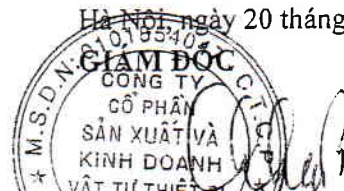
Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2016

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

[Handwritten signature]

[Handwritten signature]



TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH VẬT TƯ THIẾT BỊ - VVMI

Địa chỉ: Tổ 26, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Sản xuất và kinh doanh vật tư thiết bị - VVMI (viết tắt là Công ty) được thành lập tại Việt Nam theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần có mã số doanh nghiệp số 0101854047 ngày 05 tháng 10 năm 2004 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về vốn điều lệ, ngành nghề kinh doanh, địa chỉ trụ sở chính cũng như thay đổi về người đại diện theo pháp luật lần lượt được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội chuẩn y tại các giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần có mã số doanh nghiệp 0101854047 lần 1,2 và lần 3 ngày 19 tháng 09 năm 2012.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính:

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 3 ngày 19/09/2012, hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Kinh doanh, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị phụ tùng, hàng hóa phục vụ sản xuất và đời sống;
- Kinh doanh nhiên liệu và dầu mỡ phụ; vận tải đường bộ;
- Sản xuất và kinh doanh vỏ bao xi măng, vật liệu xây dựng và thép lưới nóc lò; sản xuất và kinh doanh bia, nước giải khát;
- Chế biến và kinh doanh than.

Hoạt động chính của Công ty trong năm 2015 là kinh doanh, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị phụ tùng, hàng hóa phục vụ sản xuất; sản xuất và kinh doanh vỏ bao xi măng, vật liệu xây dựng và thép lưới nóc lò.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp:

Công ty có trụ sở tại: Tổ 26, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2015, tổng số cán bộ nhân viên Công ty là 260 người, trong đó số nhân viên quản lý là 34 người.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính:

Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư này thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Tuy nhiên, việc áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính không có ảnh hưởng trọng yếu đến tính so sánh của các số liệu trên Báo cáo tài chính.

2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và

10-C
FY
HUU
SP
AM
T.T

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH VẬT TƯ THIẾT BỊ - VVMI

Địa chỉ: Tổ 26, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

3 NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

4 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp (Thông tư 200) thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 (Quyết định 15), và có hiệu lực từ năm tài chính 2015.

Ảnh hưởng của các thay đổi chính sách kế toán theo hướng dẫn của Thông tư 200 được áp dụng phi hồi tố. Công ty đã trình bày lại số dư đầu kỳ và bổ sung các thuyết minh thông tin trên báo cáo tài chính đối với một số chỉ tiêu có sự thay đổi giữa Thông tư 200 và Quyết định 15 tại Thuyết minh 7.5 của Thuyết minh báo cáo tài chính.

4.1 Ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Ban Giám đốc Công ty phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

4.3 Các giao dịch ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác ngoài đồng Việt Nam (VND) được chuyển đổi thành đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá đã thực hiện phát sinh trong năm được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong năm tài chính.

Số dư các tài sản bằng tiền, tương đương tiền và công nợ có gốc ngoại tệ không phải là Đô la Mỹ vào ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá mua vào của ngân hàng có tài khoản giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính. Tỷ giá áp dụng đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ áp dụng thống nhất trong Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam được thực hiện theo Công văn số 43/TKV-KT ngày 06/01/2016 của Tập đoàn cụ thể như sau:

- Các khoản tiền gửi, tiền tồn quỹ và các khoản phải thu ngoài TKV có gốc ngoại tệ quy đổi theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng là 22.450 VND/USD.
- Các khoản công nợ phải trả, tiền vay ngoài TKV có gốc ngoại tệ quy đổi theo tỷ giá bán ra

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH VẬT TƯ THIẾT BỊ - VVMI

Địa chỉ: Tổ 26, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

- Các khoản công nợ phải thu, phải trả trong TKV có gốc ngoại tệ quy đổi theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng là 22.540 VND/USD.
- Các loại ngoại tệ khác (nếu có) được căn cứ vào thông báo của Ngân hàng hoặc quy đổi qua đồng đô la Mỹ theo nguyên tắc như hướng dẫn nêu trên.

Khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong năm tài chính theo chuẩn mực kế toán số 10 “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”.

4.4 Nợ phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời gian thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc năm tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự (không bao gồm những khách hàng đã quá hạn trên nhưng đang tiến hành thanh toán hoặc có cam kết thanh toán trong thời gian tới).

4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi các chi phí ước tính để tiêu thụ được hàng tồn kho.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- | | |
|--|---|
| - Giá trị nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, hàng hóa | Phương pháp đích danh |
| - Chi phí SXKD dở dang | Tập hợp chi phí trực tiếp dựa trên hoạt động bình thường. |

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho có giá gốc lớn

513449x
CÔNG
CH NHIỆT
PK
VIỆT
XUẤT

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH VẬT TƯ THIẾT BỊ - VVMI

Địa chỉ: Tổ 26, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

chính về việc hướng dẫn trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

4.6 Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm công cụ dụng cụ, giá trị của các tài sản không có đủ tiêu chuẩn là TSCĐ (có giá trị nhỏ hơn 30 triệu đồng), chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định và các chi phí trả trước khác. Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian hợp lý kể từ khi phát sinh.

4.8 Nợ phải trả

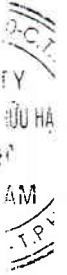
Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải trả từ khách hàng của Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn;

4.9 Chi phí đi vay và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm các khoản lãi tiền vay, các khoản chi phí khác phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong năm trừ trường hợp các khoản chi phí đi vay đó được tính vào (vốn hóa) giá trị tài sản do có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản hoặc sản xuất các tài sản dở dang khi có đủ điều kiện vốn hóa theo quy định tại chuẩn mực chi phí đi vay.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết và sẽ chấm



TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH VẬT TƯ THIẾT BỊ - VVMI

Địa chỉ: Tổ 26, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

bán ra đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính.

Chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ tài chính không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong năm tài chính. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hóa trong từng năm không vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong năm tài chính đó.

4.10 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính, nhưng chưa được thực chi vào thời điểm kết thúc năm tài chính, bao gồm: chi phí lãi vay, chi phí dịch vụ kiểm toán, phí bảo lãnh hợp đồng,... Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

4.11 Dự phòng phải trả

Nguyên tắc ghi nhận dự phòng phải trả: Dự phòng phải trả được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Khoản dự phòng phải trả được lập tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Trường hợp số dự phòng phải trả cần lập ở kỳ kế toán này lớn hơn số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ kế toán đó. Trường hợp số dự phòng phải trả lập ở kỳ kế toán này nhỏ hơn số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch phải được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ kế toán đó.

Dự phòng phải trả của Công ty bao gồm: dự phòng phải trả về sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định định kỳ.

4.12 Vốn chủ sở hữu

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp số 0101854047 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nội lần đầu cấp ngày 05 tháng 10 năm 2004 và thay đổi lần 3 ngày 19 tháng 09 năm 2012, và cho đến ngày kết thúc năm tài chính, các cổ đông đã góp vốn cổ phần vào Công ty như sau:

Nhà đầu tư	Vốn điều lệ		
	Theo Giấy CNKD (VND)	Vốn thực góp (VND)	%
Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP	3.060.000.000	3.060.000.000	100%
Ông Trần Quốc Huy	49.000.000	49.000.000	100%
Ông Lê Văn Quý	55.600.000	55.600.000	100%
165 cổ đông còn lại	2.835.400.000	2.835.400.000	100%

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH VẬT TƯ THIẾT BỊ - VVMI

Địa chỉ: Tổ 26, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể chia cho các bên góp vốn sau khi được thông qua bởi Nghị quyết cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Cổ tức được chia từ lợi nhuận chưa phân phối dựa trên tỷ lệ góp vốn của từng cổ đông.

4.13 Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- (i) Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua và hàng hóa đã được giao cho người mua và được chấp nhận của khách hàng;
- (ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận;
- (iii) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tiền gửi được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

4.14 Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí hoạt động tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi tiền vay không được vốn hoá theo quy định phát sinh trong năm tài chính. Trong đó chi phí lãi tiền vay là lãi vay phải trả trong năm của các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Công ty.

4.15 Thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

Hàng hoá, dịch vụ do Công ty sản xuất và cung cấp chịu mức thuế suất thuế GTGT là 10 %.

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế TNDN hàng năm là 22%.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng trong năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Các loại thuế khác: theo quy định hiện hành của Việt Nam.

4.16 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông với số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu

06/06

IG T

HEM HI

IC F

T NA

IAN-

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH VẬT TƯ THIẾT BỊ - VVMI

Địa chỉ: Tổ 26, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1. Tiền

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	(VND)	(VND)
Tiền mặt tại quỹ (i)	458.056.834	631.157.895
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn (ii)	872.958.442	3.607.269.355
Cộng	1.331.015.276	4.238.427.250
(i) Số dư tiền mặt tại quỹ vào ngày 31/12/2015 bao gồm:		
	Nguyên tệ	VND
Ngoại tệ		-
Đồng Việt Nam		458.056.834
Cộng		458.056.834
(ii) Số dư tiền gửi ngân hàng tại ngày 31/12/2015 bao gồm:		
	Nguyên tệ	VND
<i>Ngoại tệ</i>		-
<i>Đồng Việt Nam</i>		<i>872.958.442</i>
Ngân hàng Công thương Việt Nam - CN Đông Anh		400.095.203
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN - CN Đông Hà Nội		20.383.432
Ngân hàng Phát triển Nhà Đồng bằng Sông Cửu Long - CN Móng Cái		1.114.779
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Đông Anh		150.219.936
Ngân hàng TMCP Công Thương VN - CN Đông Anh		296.984.727
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu - CN Cầu Giấy		4.160.365
Cộng		872.958.442

5.2. Phải thu khách hàng

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	(VND)	(VND)
a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn	62.013.068.530	50.173.187.738
Công ty CP XM La Hiên	9.051.403.700	8.645.929.697
Công ty TNHH MTV Than Hòn Gai	682.756.800	7.989.616.650
Công ty than Khe Chàm	12.860.924.839	9.733.327.671
Khách hàng khác	39.417.983.191	23.804.313.720



TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH VẬT TƯ THIẾT BỊ - VVMI

Địa chỉ: Tổ 26, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

5.3. Phải thu khác

	31/12/2015 (VND)		01/01/2015 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	698.955.204	-	1.187.266.131	-
Tạm ứng CBCNV	126.304.170	-	147.603.174	-
Các khoản cầm cố ký quỹ, ký cược ngắn hạn	572.651.034	-	1.029.107.759	-
Các khoản khác	-	-	10.555.198	-
b. Dài hạn	7.362.500	-	24.740.100	-
Các khoản cầm cố ký quỹ, ký cược dài hạn	7.362.500	-	24.740.100	-
Cộng	706.317.704	-	1.212.006.231	-

5.4. Hàng tồn kho

	31/12/2015 (VND)		01/01/2015 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	8.909.245.150	-	5.533.211.661	-
Công cụ dụng cụ	108.301.672	-	89.236.305	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	3.247.599.084	-	4.716.855.895	-
Thành phẩm	6.375.615.187	-	7.046.731.263	-
Hàng hóa	942.316.200	-	3.563.701.257	-
Hàng gửi bán	-	-	-	-
Cộng	19.583.077.293	-	20.949.736.381	-

G CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
G TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH VẬT TƯ THIẾT BỊ - VVMI

i: Tô 26, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội

YẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

ái chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

ợy xấu

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi;	1.881.339.979	-	1.881.339.979	-
- Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	-	-	-	-
- Từ 1 năm đến dưới 2 năm	-	-	-	-
- Từ 2 năm đến dưới 3 năm	-	-	-	-
- Từ 3 năm trở lên	1.881.339.979	-	1.881.339.979	-
<i>Công ty Xi măng Lào Cai</i>	1.561.165.199	-	1.561.165.199	-
<i>Công ty Cổ phần Xi măng Vĩnh Phú</i>	320.174.780	-	320.174.780	-

Thông tin về các khoản tiền phạt, phải thu về lại trả chậm... phát sinh từ các khoản nợ quá hạn nhưng không được ghi nhận doanh thu

Khả năng thu hồi nợ phải thu quá hạn

T.P. / M. / Y. / 10 //

G CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
G TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH VẬT TƯ THIẾT BỊ - VVMI

i: Tở 26, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội

ÉT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

ài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, trang thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
NGUYỄN GIÁ					
Số dư đầu kỳ	12.421.853.926	29.542.955.969	2.618.817.979	236.289.909	44.819.917.783
- Mua trong năm	-	-	-	-	-
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	-	-	1.285.861.818	-	1.285.861.818
- Tặng khác	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	12.421.853.926	29.542.955.969	3.904.679.797	236.289.909	46.105.779.601

GIÁ TRỊ HAO MÒN

Số dư đầu năm	7.490.546.001	22.226.875.972	2.410.947.970	167.753.627	32.296.123.570
- Khấu hao trong năm	737.046.743	4.560.886.870	327.723.445	54.417.054	5.680.074.112
- Hao mòn trong năm	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	8.227.592.744	26.787.762.842	2.738.671.415	222.170.681	37.976.197.682

GIÁ TRỊ CÒN LẠI

Tại ngày đầu năm	4.931.307.925	7.316.079.997	207.870.009	68.536.282	12.523.794.213
Tại ngày cuối năm	4.194.261.182	2.755.193.127	1.166.008.382	14.119.228	8.129.581.919

Trong đó:- Thẻ chấp, cầm cố
 - Đã KH hết, đang sử dụng
 - Chờ thanh lý
 14.189.547.357



TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH VẬT TƯ THIẾT BỊ - VVMI

Địa chỉ: Tổ 26, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

5.7. Chi phí trả trước

	<u>31/12/2015</u> (VND)	<u>01/01/2015</u> (VND)
a. Ngắn hạn	64.598.484	983.610.573
Công cụ dụng cụ	64.598.484	983.610.573
Các khoản khác	-	-
b. Dài hạn	191.171.846	334.121.118
Chi phí công cụ dụng cụ	191.171.846	334.121.118
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	-	-
Cộng	<u>255.770.330</u>	<u>1.317.731.691</u>

31344
CÔN
CH NGHIỆP
PI
VIỆT
XUẤT

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH VẬT TƯ THIẾT BỊ - VVMI

Địa chỉ: Tổ 26, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội

ÉT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
 Tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

	01/01/2015		31/12/2015	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ
	(VND)		(VND)	
Vay và nợ thuê tài chính				
a.				
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	14.031.189.485	14.031.189.485	225.981.416.237	216.314.221.215
Vay ngắn hạn	14.031.189.485	14.031.189.485	225.981.416.237	216.314.221.215
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	14.031.189.485	14.031.189.485	217.967.215.817	210.626.471.215
Ngân hàng TMCP Quân đội	-	-	8.014.200.420	5.687.750.000
Vay dài hạn phải trả trong 12 tháng tới	-	-	-	-
b.				
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	-	-	-	-
Vay dài hạn	-	-	-	-
Phân loại vay phải trả trong 12 tháng tới	-	-	-	-
Cộng	14.031.189.485	14.031.189.485	225.981.416.237	216.314.221.215
	23.698.384.507	23.698.384.507	21.371.934.087	21.371.934.087
	23.698.384.507	23.698.384.507	2.326.450.420	2.326.450.420
	23.698.384.507	23.698.384.507	23.698.384.507	23.698.384.507

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH VẬT TƯ THIẾT BỊ - VVMI

Địa chỉ: Tổ 26, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

5.9. Phải trả người bán

	31/12/2015 (VND)		01/01/2015 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	33.276.870.057	33.276.870.057	49.589.580.531	49.589.580.531
Công ty CP KD và XNK khí gas hóa lỏng Van lỵc	-	-	7.251.706.870	7.251.706.870
Công ty CP Triệu Vương	209.465.988	209.465.988	5.772.530.427	5.772.530.427
Công ty CP thương mại hàng hóa Quốc tế IPC	-	-	7.986.192.280	7.986.192.280
Công ty TNHH TM và DV Thanh Xuân HN	5.983.635.858	5.983.635.858	2.363.153.991	2.363.153.991
Công ty CP Tư vấn & ĐT XD Đông Anh	7.553.621.688	7.553.621.688	1.914.377.373	1.914.377.373
Nhà cung cấp khác	19.530.146.523	19.530.146.523	24.301.619.590	24.301.619.590
b. Các khoản phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
Cộng	33.276.870.057	33.276.870.057	49.589.580.531	49.589.580.531

T.N.N.V.
H
Y.N.V.

CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTPC
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH VẬT TƯ THIẾT BỊ - VVMI
 Địa chỉ: Tô 26, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội

ÉT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
 Kỳ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2015 (VND)	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	31/12/2015 (VND)
a. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước				
Thuế giá trị gia tăng phải nộp	640.200.306	5.875.688.250	5.888.846.301	627.042.255
Thuế thu nhập doanh nghiệp	149.556.477	1.101.598.049	931.940.309	319.214.217
Thuế xuất, nhập khẩu	-	123.626.725	123.626.725	-
Thuế thu nhập cá nhân	299.997	24.956.759	24.626.756	630.000
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	3.360.679	3.360.679	-
Cộng	790.056.780	7.132.230.462	6.975.400.770	946.886.472
b. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước				
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	25.181.018	(25.181.018)
Thuế đất và tiền thuê đất	-	965.226.084	993.903.155	(28.677.071)
Cộng	-	965.226.084	1.019.084.173	(53.858.089)

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Theo đó, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH VẬT TƯ THIẾT BỊ - VVMI

Địa chỉ: Tổ 26, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

5.11. Chi phí phải trả

	<u>31/12/2015</u> (VND)	<u>01/01/2015</u> (VND)
a. Ngắn hạn	44.039.883	12.398.311
Chi phí lãi vay phải trả	24.734.521	12.398.311
Chi phí phải trả khác	19.305.362	-
b. Dài hạn	-	-
Cộng	44.039.883	12.398.311

5.12. Phải trả khác

	<u>31/12/2015</u> (VND)	<u>01/01/2015</u> (VND)
a. Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	20.251.690	90.515.040
Đóng góp của Quỹ văn hóa phát triển	75.591.690	241.249.553
Tiền đặt cọc	4.512.030.000	1.874.399.240
Cổ tức phải trả	900.000.000	900.000.000
Quỹ đổi mới cơ cấu chất lượng lao động	550.088.394	550.088.394
Phải trả Tổng Công ty Việt Bắc	2.235.178.771	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	75.755.645	10.464.540
Cộng	8.368.896.190	3.666.716.767
b. Dài hạn		
Phải trả dài hạn khác	2.130.000	2.130.000
Cộng	2.130.000	2.130.000
c. Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-
Cộng	-	-

3134
 CÔNG
 ÁCH NH
 P
 VIỆ
 XU

NG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
NG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH VẬT TƯ THIẾT BỊ - VVMI
 chi: Tô 26, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội

UYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
 tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

3. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ dự phòng tài chính		Lợi nhuận chưa phân phối		Tổng cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	6.000.000.000	-	3.459.274.639	1.485.868.739	570.050.989	-	-	-	-	-	-	11.515.194.367
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-	3.157.892.683	-	-	3.157.892.683
Tăng khác	-	-	-	1.699.285.081	-	-	-	-	-	-	-	1.699.285.081
Chi trả cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	(570.050.989)	-	-	(3.157.892.683)	-	-	-	(3.727.943.672)
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước	6.000.000.000	-	3.459.274.639	3.185.153.820	-	-	-	-	-	-	-	12.644.428.459
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-	3.768.037.224	-	-	-	3.768.037.224
Tăng khác	-	-	1.285.861.818	1.720.822.334	-	-	-	-	-	-	-	3.006.684.152
Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	(1.285.861.818)	-	-	-	(3.768.037.224)	-	-	-	(5.053.899.042)
Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	6.000.000.000	-	4.745.136.457	3.620.114.336	-	-	-	-	-	-	-	14.365.250.793

uyệt minh Báo cáo tài chính là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH VẬT TƯ THIẾT BỊ - VVMI

Địa chỉ: Tổ 26, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2015 (VND)	01/01/2015 (VND)
Vốn góp của Nhà nước	3.060.000.000	3.060.000.000
Vốn đầu tư của đối tượng khác	2.940.000.000	2.940.000.000
Cộng	6.000.000.000	6.000.000.000

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2015 (VND)	Năm 2014 (VND)
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	6.000.000.000	6.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	6.000.000.000	6.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	900.000.000	900.000.000

Cổ tức

	Năm 2015 (VND)	Năm 2014 (VND)
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm		
Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi	-	-
Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận	-	-

Cổ phiếu

	2015 (VND)	2014 (VND)
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	600.000	600.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	600.000	600.000
Cổ phiếu phổ thông	600.000	600.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	600.000	600.000
Cổ phiếu phổ thông	600.000	600.000

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH VẬT TƯ THIẾT BỊ - VVMI

Địa chỉ: Tổ 26, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Các quỹ của doanh nghiệp

	<u>31/12/2015</u> (VND)	<u>01/01/2015</u> (VND)
Quỹ đầu tư phát triển	3.620.114.336	3.185.153.820
Quỹ dự phòng tài chính	-	-

Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ để tái đầu tư sản xuất, dự phòng rủi ro tài chính.

6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm 2015</u> (VND)	<u>Năm 2014</u> (VND)
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	409.112.683.734	431.555.329.772
Doanh thu cung cấp hàng hóa	405.304.058.687	421.977.771.385
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.808.625.047	9.577.558.387

6.2 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	<u>Năm 2015</u> (VND)	<u>Năm 2014</u> (VND)
Giá vốn cung cấp hàng hóa	368.763.593.714	390.070.786.588
Giá vốn cung cấp dịch vụ	3.224.404.984	8.748.759.906
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(52.367.692)
Cộng	371.987.998.698	398.767.178.802

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm 2015</u> (VND)	<u>Năm 2014</u> (VND)
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	18.662.013	42.350.554
Lãi chênh lệch tỷ giá	22.521.277	-
Cộng	41.183.290	42.350.554

6.4 Chi phí hoạt động tài chính

	<u>Năm 2015</u> (VND)	<u>Năm 2014</u> (VND)
Chi phí lãi vay	1.834.421.726	2.447.136.884
Lỗ chênh lệch tỷ giá	86.974.114	56.767.847

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH VẬT TƯ THIẾT BỊ - VVMI

Địa chỉ: Tô 26, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

6.5 Thu nhập khác

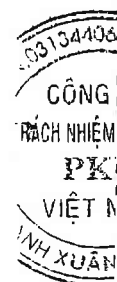
	Năm 2015 (VND)	Năm 2014 (VND)
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	-
Nhượng vật tư, bán phế liệu thu hồi	-	770.976.281
Tiền phạt thu được	-	-
Thu nhập quà biếu, tặng	-	-
Các khoản khác	818.181 [†]	33.272.596
Cộng	818.181	804.248.877

6.6 Chi phí khác

	Năm 2015 (VND)	Năm 2014 (VND)
Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	-
Chi phí nhượng bán vật tư phế liệu	-	-
Các khoản bị phạt	2.613.862	176.366.375
Các khoản khác	2.613.862	-
Cộng	5.227.724	176.366.375

6.7 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2015 (VND)	Năm 2014 (VND)
a. Chi phí quản lý doanh nghiệp	15.585.867.196	10.384.167.234
Chi phí nhân viên	6.191.582.902	5.048.406.411
Các khoản khác	9.394.284.294	5.335.760.823
b. Chi phí bán hàng	14.786.427.519	16.525.593.823
Chi phí nhân viên	7.196.986.394	8.038.385.417
Chi phí vật liệu, bao bì	1.046.217.296	1.333.442.057
Các khoản khác	6.543.223.829	7.153.766.349
c. Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và Chi phí quản lý doanh nghiệp	-	-
Cộng	30.372.294.715	26.909.761.057



TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH VẬT TƯ THIẾT BỊ - VVMI

Địa chỉ: Tổ 26, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

6.8 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2015 (VND)	Năm 2014 (VND)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành		
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4.867.768.228	4.044.718.238
- Các khoản điều chỉnh tăng (giảm) lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	131.009.062	(16.235.535)
+ Chi phí không được trừ	131.009.162	153.659.715
+ Chi phí được trừ khi tính thuế TNDN	-	169.895.250
- Tổng thu nhập chịu thuế	4.998.777.290	4.028.482.703
- Chuyển lỗ năm trước	-	-
- Thu nhập tính thuế	4.998.777.290	4.028.482.703
- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	22%
- Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.099.731.004	886.266.194
- Điều chỉnh tăng thuế TNDN tính trên phần thu nhập khác theo thuế suất 25%	-	559.361
- Giảm 30% thuế theo quy định	-	-
Cộng	1.099.731.004	886.825.555

6.9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2015 (VND)	Năm 2014 (VND)
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	3.768.037.224	3.157.892.683
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông.	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	3.768.037.224	3.157.892.683
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ Lợi nhuận sau thuế	1.147.214.890	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi loại trừ trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ LNST	2.620.822.334	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	600.000	600.000



TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH VẬT TƯ THIẾT BỊ - VVMI

Địa chỉ: Tổ 26, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

6.10 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2015 (VND)	Năm 2014 (VND)
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	145.976.094.161	156.287.440.210
Chi phí nhân công	25.613.674.888	25.869.177.766
Chi phí khấu hao TSCĐ	5.680.074.112	5.486.370.534
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.490.634.938	14.521.618.871
Chi phí khác bằng tiền	13.987.941.624	10.201.405.105
Cộng	199.748.419.723	212.366.012.486

7. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

7.1 Công cụ tài chính

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng các công cụ tài chính: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

(i) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có hai loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác.

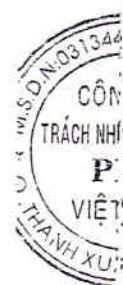
Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty.



TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH VẬT TƯ THIẾT BỊ - VVMI

Địa chỉ: Tổ 26, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

(ii) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản cho vay và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên Bảng cân đối kế toán tại ngày kết thúc kỳ tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

(iii) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn khác biệt nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây phân tích đối với tài sản tài chính và các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các luồng tiền theo hợp đồng không chiết khấu. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.



TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH VẬT TƯ THIẾT BỊ - VVMI

Địa chỉ: Tổ 26, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

	Dưới 1 năm	Từ 1 đến 5 năm	Tổng cộng
Ngày 31/12/2015			
<i>Giá trị ghi sổ:</i>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.331.015.276	-	1.331.015.276
Phải thu khách hàng	62.013.068.530	-	62.013.068.530
Đầu tư	-	-	-
Phải thu khác	898.955.204	7.362.500	906.317.704
Tài sản tài chính khác	53.858.089	-	53.858.089
<i>Trừ:</i>			
Dự phòng phải thu khó đòi	(1.881.339.979)	-	(1.881.339.979)
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	-	-
Tổng cộng	62.415.557.120	7.362.500	62.422.919.620
Ngày 31/12/2015			
Các khoản vay và nợ	23.698.384.507	-	23.698.384.507
Phải trả người bán	33.276.870.057	-	33.276.870.057
Phải trả, PN khác và chi phí phải trả	16.705.027.402	2.130.000	16.707.157.402
Tổng cộng	73.680.281.966	2.130.000	73.682.411.966
Chênh lệch thanh khoản thuần	(11.264.724.846)	5.232.500	(11.259.492.346)
Ngày 01/01/2015			
<i>Giá trị ghi sổ:</i>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.238.427.250	-	4.238.427.250
Phải thu khách hàng	50.173.187.738	-	50.173.187.738
Đầu tư	-	-	-
Phải thu khác	2.052.726.631	24.740.100	2.077.466.731
Tài sản tài chính khác	-	-	-
<i>Trừ:</i>			
Dự phòng phải thu khó đòi	(1.881.339.979)	-	(1.881.339.979)
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	-	-
Tổng cộng	54.583.001.640	24.740.100	54.607.741.740
Ngày 01/01/2015			
Các khoản vay và nợ	14.031.189.485	-	14.031.189.485
Phải trả người bán	49.589.580.531	-	49.589.580.531
Phải trả, PN khác và chi phí phải trả	11.551.209.309	2.130.000	11.553.339.309
Tổng cộng	75.171.979.325	2.130.000	75.174.109.325
Chênh lệch thanh khoản thuần	(20.588.977.685)	22.610.100	(20.566.367.585)

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH VẬT TƯ THIẾT BỊ - VVMI

Địa chỉ: Tô 26, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

(iv) Giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng của các khoản phải thu ngắn hạn, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải trả người bán và phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

	<i>Giá trị ghi sổ</i>		<i>Giá trị hợp lý</i>	
	31/12/2015	01/01/2015	31/12/2015	01/01/2015
Tài sản tài chính				
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-	-
Các khoản cho vay và phải thu				
<i>Phải thu khách hàng</i>	62.013.068.530	50.173.187.738	60.131.728.551	48.291.847.759
<i>Các khoản phải thu khác</i>	906.317.704	2.077.466.731	906.317.704	2.077.466.731
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán				
<i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	1.331.015.276	4.238.427.250	1.331.015.276	4.238.427.250
Tổng cộng	64.250.401.510	56.489.081.719	62.369.061.531	54.607.741.740
Nợ phải trả tài chính				
<i>Vay và nợ</i>	23.698.384.507	14.031.189.485	23.698.384.507	14.031.189.485
<i>Phải trả người bán</i>	33.276.870.057	49.589.580.531	33.276.870.057	49.589.580.531
<i>Phải trả khác</i>	16.705.027.402	11.551.209.309	16.705.027.402	11.551.209.309
Tổng cộng	73.680.281.966	75.171.979.325	73.680.281.966	75.171.979.325

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31/12/2015 và ngày 01/01/2015. Tuy nhiên, Ban Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.

34406

CÔNG
CH NHIỆM
PK
VIỆT N
XUÂN

CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MÓ VIỆT BẮC TKV - CTCP
TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH VẬT TƯ THIẾT BỊ - VVMI

Số 26, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội

TÀI CHÍNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Hình thức kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

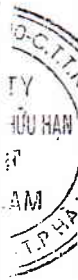
Báo cáo bộ phận

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo các lĩnh vực hoạt động, bao gồm: sản xuất kinh doanh vỏ bao, lưới thép, công lò, kinh doanh vật tư và các lĩnh vực cung cấp các dịch vụ khác. Chi tiết kết quả hoạt động kinh doanh theo từng ngành nghề như sau:

	Doanh thu hàng hóa VND	Xây dựng cơ bản VND	Hoạt động khác VND	Tổng cộng VND
2014				
Doanh thu	421.977.771.385	-	9.577.558.387	431.555.329.772
Chi phí hoàn giảm trừ	-	-	-	-
Doanh thu thuần	390.048.625.419	-	8.748.759.906	398.797.385.325
thuận góp	31.929.145.966	-	828.798.481	32.757.944.447
2015				
Doanh thu	405.304.058.687	-	3.808.625.047	409.112.683.734
Chi phí hoàn giảm trừ	-	-	-	-
Doanh thu thuần	368.763.593.714	-	3.224.404.984	371.987.998.698
thuận góp	36.540.464.973	-	584.220.063	37.124.685.036

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (báo cáo thứ yếu): Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng tạo ra doanh thu cho bộ phận. Trong tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2015 và kết thúc vào ngày 31/12/2015, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chỉ phát sinh tại khu vực Hà Nội nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận thứ yếu (theo khu vực địa lý).

Báo cáo tài chính là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính



TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH VẬT TƯ THIẾT BỊ - VVMI

Địa chỉ: Tổ 26, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

7.3 Thông tin về các bên có liên quan

Các bên liên quan:

Các bên được xem là các bên có liên quan khi một bên có khả năng kiểm soát bên kia hoặc tạo ra ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong các quyết định về tài chính và kinh doanh. Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2015, Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam, Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP và các đơn vị trong nội bộ Tập đoàn, Tổng công ty được nhận biết là các bên liên quan của Công ty.

Số dư tại ngày 31/12/2015 và giao dịch với các bên liên quan trong năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2015 và kết thúc vào ngày 31/12/2015 được thể hiện tại các phụ biểu đính kèm, cụ thể như sau:

- Phụ biểu 01 - Vinacomin: Báo cáo doanh thu, giá vốn nội bộ trong Tập đoàn, Tổng công ty.
- Phụ biểu 18: Báo cáo các khoản phải thu, phải trả trong nội bộ Tập đoàn, Tổng công ty.

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc:

	<u>Năm 2015</u> <u>(VND)</u>	<u>Năm 2014</u> <u>(VND)</u>
Lương thưởng của Ban Giám đốc	1.009.800.000	679.680.560
Thù lao của Hội đồng quản trị	147.605.900	94.180.860
Tổng cộng	<u>1.157.405.900</u>	<u>773.861.420</u>

7.4 Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ

Đến ngày lập Báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào khác có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.



TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH VẬT TƯ THIẾT BỊ - VVMI

Địa chỉ: Tổ 26, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

7.5 Thông tin so sánh

Số liệu được dùng để so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2014 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội nay là Công ty TNHH PKF Việt Nam, được trình bày lại theo mẫu của Thông tư 200/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22/12/2014. Chi tiết như sau:

Bảng cân đối kế toán

Chỉ tiêu	01/01/2015 (Đã được trình bày trước đây)	Số liệu tăng, giảm để trình bày lại	01/01/2015 (Được trình bày lại)
TÀI SẢN NGẮN HẠN			
Các khoản phải thu khác	10.555.198	1.176.710.933	1.187.266.131
Tài sản ngắn hạn khác	1.176.710.933	(1.176.710.933)	-
TÀI SẢN DÀI HẠN			
Phải thu dài hạn khác	-	24.740.000	24.740.000
Tài sản dài hạn khác	24.740.000	(24.740.000)	-

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2016

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

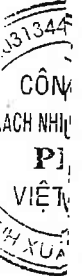
GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Hồng Nhung

Phạm Đình Tuấn

Phạm Quang Khải



BÁO CÁO DOANH THU, GIÁ VỐN NỘI BỘ TRONG TẬP ĐOÀN, TỔNG CÔNG TY
Năm 2015

Tên đơn vị bán	Đơn vị		Doanh thu		Giá vốn	
	tính	SL	Đơn giá	Giá trị (VND)	Đơn giá	Giá trị (VND)
B	C	I	2	3	4	5
						6
Doanh thu tại Công ty				256.562.303.594		
ông ty Cổ phần Xi Măng La Hiên - VVMI				56.353.135.984		
ông ty Cổ phần Xi Măng Tân Quang - VVMI				25.560.487.700		
ông ty Cổ phần Than Cao Sơn - Vinacomín				18.126.660.000		
ông ty TNHH MTV Than Thống Nhất - Vinacomín				13.581.709.120		
ông ty Cổ phần Than Đèo Nai - Vinacomín				11.228.825.000		
ông ty Than Mạo Khê				4.405.226.260		
ông ty Than Dương Huy				23.055.077.725		
ông ty TNHH Than Nam Mẫu - Vinacomín				3.797.099.400		
ông ty Than Hà Lâm				10.014.418.400		
ông ty Than Mông Dương				10.985.139.616		
ông ty Than Hồng Thái				9.561.480.500		
ông ty Than Khe Chàm				11.111.575.710		
ông ty Than Ưông Bí - XN Hoàn Bồ				2.061.682.972		
ông ty CP Cơ khí và Thiết bị Áp lực - VVMI				8.544.535.200		
ông ty CP Nhiệt Điện Cẩm Phả				2.442.565.190		
ông ty Than Vàng Danh				9.001.130.100		
ông ty Tuyển Than Cửa Ông				5.981.822.050		
ông ty Than Hòn Gai				9.755.385.250		
ông ty Than Quang Hanh				2.376.544.690		
ông ty Than Tây Nam Đá Mài				15.700.000		
ông ty Nhóm Lâm Đồng				6.418.620.000		
ông ty Than Hạ Long				3.301.380.800		
ông ty Than Cọc Sáu				5.382.776.400		
ông ty Than Khánh Hòa - VVMI				2.677.272.727		

1640
 G TY
 M HỮU
 F
 NAM

Tên đơn vị bán	Đơn vị		Doanh thu		Giá vốn	
	Đơn vị tính	SL	Đơn giá	SL	Đơn giá	Giá trị (VND)
B	C	1	2	3	4	5
Giá trị (VND)	3	4	5	6	6	6
Kí nghiệp vật tư hóa chất mỏ - TCT CN Hóa chất mỏ				634.692.800		
Công ty Than Hà Tu				144.800.000		
Công ty Than Na Dương - VVMI				42.560.000		
Tại Chi nhánh công ty				136.884.975.773		
Công ty Than Mạo Khê				1.463.817.000		
Công ty CP Than Vàng Danh-Vinacomin				14.236.078.000		
Công ty XD Mỏ Hàm Lò 2				6.314.358.600		
Công ty Than Khe Chàm				46.806.127.500		
Công ty Than Mông Dương				12.578.969.295		
Công ty Than Thống Nhất				19.064.202.460		
Công ty Than Cọc Sáu				787.035.000		
Công ty Than Quang Hanh				1.040.824.000		
Công ty Than Dương Huy				6.711.140.000		
Công ty Than Nam Mẫu				26.205.951.023		
Công ty Than Núi Béo				363.720.000		
Công ty Than Hà Lâm				610.678.895		
Quyển Than Cửa Ông				702.074.000		
TỔNG CỘNG				393.447.279.367		

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2016

KẾ TOÁN TRƯỞNG

NGƯỜI LẬP BIỂU



Phạm Đình Tuấn



Phạm Quang Khải



Nguyễn Thị Hồng Nhung



BÁO CÁO CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI TRẢ TRONG NỘI BỘ TẬP ĐOÀN, TỔNG CÔNG TY
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị: VNĐ

TT A	Tên đơn vị B	Các khoản công nợ		
		131 1	331 2	338 3
A	NỢ PHẢI THU	59.396.297.665	-	-
I	CÁC KHOẢN NỢ NGẮN HẠN	59.396.297.665	-	-
	Công ty Than Hồng Thái - TKV	787.097.740	-	-
	Công ty Than Nam Mẫu - TKV	3.249.603.720	-	-
	Công ty Xây dựng Hàm Lò II-TKV	2.795.224.300	-	-
	Công ty CP Than Đèo Nai - Vinacomin	996.656.200	-	-
	Công ty CP Than Cao Sơn	162.338.000	-	-
	Công ty CP Xi măng La Hiên - VVMI	9.051.403.700	-	-
	Công ty CP Than Cọc Sáu	1.106.468.500	-	-
	Công ty TNHH MTV Nhôm Lâm đồng- Vinacomin	919.732.000	-	-
	Công ty Than Hòn Gai - TKV	682.756.800	-	-
	Công ty Than Na Dương - VVMI	46.816.000	-	-
	Công ty CP Nhiệt điện Cẩm phả	144.662.672	-	-
	Công ty CP Cơ khí và thiết bị áp lực - VVMI	2.820.666.340	-	-
	Công ty CP Xi măng Tân Quang-VVMI	5.823.730.000	-	-
	Công ty Than Dương Huy - TKV	5.963.564.750	-	-
	Công ty Than Khe Châm - TKV	12.860.924.839	-	-
	Công ty CP Than Mông Dương - Vinacomin	2.470.758.103	-	-
	Công ty Than Quang Hanh - TKV	837.085.601	-	-
	Công ty Than Thống Nhất - TKV	3.302.171.620	-	-
	Công ty TNHH MTV Than Uông Bí	153.428.000	-	-
	Công ty CP Than Hà Lâm - Vinacomin	552.552.000	-	-
	Công ty Than Hạ Long - TKV	1.818.518.880	-	-
	Công ty CP Than Vàng Danh - Vinacomin	2.419.355.900	-	-
	Công ty Tuyển than Cửa Ông-TKV	30.690.000	-	-
	Công ty CP Than Núi Béo-Vinacomin	400.092.000	-	-
B	NỢ PHẢI TRẢ	-	-	2.235.178.771
I	CÁC KHOẢN NỢ NGẮN HẠN	-	-	-
1	Công ty Kho vận Cẩm Phả		-	
2	Tập đoàn Than khoáng sản Việt Nam		-	
3	Công ty Kho Vận Đá Bạc		-	
4	Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc		-	2.235.178.771

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2016

